TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 90/2019/HSST
Ngày : 10/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Ngô Thế Tương

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Phan Văn Tiến và bà Phạm Hồng Thiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:

Ông : Tô Tuấn Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2019/TLST – HS ngày 01 tháng 8 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2019/QĐXXST ngày 06 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo :

Bùi Văn T, sinh ngày 13 tháng 6 năm 1997.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã D, huyện hái Thụy, tỉnh Thái Bình

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Bùi Văn N, sinh năm 1973 con bà Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1977 đều trú tại thôn Đ, xã D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Bị cáo chưa có vợ, con

Tiền án: Tại bản án số 47/2017/HSST ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12, sau đó ở nhà lao động tự do. Ngày 11/3/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xử phạt 03 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/12/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Quảng Ninh. (Có mặt)

***- Bị hại*:**

Bà: Nguyễn Thị G, sinh năm 1956 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ 20 S, phường a, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh: Nguyễn Xuân Đ1, sinh ngày 04/3/2000 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

- Người làm chứng:

Chị: Cao Thị Khánh V, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ x, Khu phố y, phường P.M, TP Phan Rang, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 27/10/2018, Ngô Văn Đ2 rủ Bùi Văn T đi trộm cắp tài sản, T điều khiển xe mô tô chở Đ2 đi lòng vòng nhưng vẫn không trộm cắp được tài sản. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày khi đi đến thôn N, xã X, T và Đ2 phát hiện thấy chị Cao Thị Khánh V chở mẹ chồng Nguyễn Thị G vào quán tạp hóa mua hàng, trên vai bà G đeo một túi xách màu đen, Đ2 nói với Tùng "Có làm không", T hiểu ý là giật túi sách của bà G. Khi chị V và bà G mua hàng xong đi ra thì T điều khiển xe áp sát xe của mẹ con bà G, Đ2 ngồi sau dùng tay giật túi sách của bà G, giật được túi xách cả hai bỏ chạy đến khu vực thôn B, xã T, huyện Thái Thụy mở túi xách vừa cướp được lấy toàn bộ số tiền bên trong, còn túi xách cùng những vật dụng bên trong, Đ2 ném vào khu vườn của một người dân rồi cả hai đi đến nhà nghỉ H.P thuộc xã Đ, huyện H thuê nhà nghỉ và đếm được số tiền cướp giật được là 34.900.000 đồng. Sau khi phạm tội, đến ngày 14/12/2018, T ra đầu thú, còn Ngô Văn Đ2 sau khi bị khởi tố đã bỏ trốn, cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã nhưng chưa bắt được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 09/KL- ĐG ngày 17/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: " 01 túi sách có giá trị 300.000 đồng, 01 kính râm gọng bằng kim loại có giá trị 200.000 đồng, 01 kính râm gọng bằng kim loại có giá trị 100.000 đồng ".

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận định giá nêu trên.

Bản cáo trạng số 75/CT- VKSTT ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội " Cướp giật tài sản " theo quy định tại khoản điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luận tội của Kiểm sát viên: Vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố với bị cáo về tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng. Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội "Cướp giật tài sản".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Bộ luật hình sự .

Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Đề nghị tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và hình phạt 03 năm tù của bản án số 93/2019/HSST ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân TP L, tỉnh N đã có hiệu lực pháp luật. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị G số tiền 34.900.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác vắng mặt được công bố tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân

dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Bị hại, người liên quan, người làm chứng vắng mặt nhưng tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai đầy đủ lưu trong hồ sơ. Hội đồng xét xử xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên vẫn tiến hành xét xử.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau : Đơn trình báo và lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, bản kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4]. Như vậy đủ căn cứ để xác định:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 27/10/2018, tại đoạn đường thôn n, xã X, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, Bùi Văn T điều khiển xe mô tô chở sau là Ngô Văn Đ2 cướp giật của bà Nguyễn Thị G 01 túi sách giả da bên trong có 34.900.000 đồng và một số tài sản khác. Tổng giá trị tài sản T và Đ2 chiếm đoạt có giá trị là 35.500.000 đồng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được quyền tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, hành vi đó của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội " Cướp giật tài sản " với tình tiết định khung là dùng thủ đoạn nguy hiểm được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Do đó cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội cướp giật tài sản

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng"

[5]. Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, thể hiện

sự coi thường pháp luật, năm 2017 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", bản án này bị cáo đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về nhân thân, tại bản án số 93/2019/HSST ngày 11/3/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân TP L, tỉnh N xử phạt 03 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Vì vậy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù và tổng hợp hình phạt của hai bản án, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo nhận ra lỗi lầm đã phạm phải để phấn đấu trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

[6]. Bị cáo làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự.

[7]. Trong vụ án này còn có Ngô Văn Đ2 là người cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo, sau khi phạm tội Đ2 đã bỏ trốn, cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã nhưng chưa bắt được, thời hạn điều tra đã hết nên cơ quan điều tra đã ra quyết định tạm đình chỉ đối với Đương, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[8].Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là bà Nguyễn Thị G yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bà số tiền 34.900.000 đồng là tiền bị cáo đã cướp giật của bà. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền 34.900.000 đồng cho bà G, nhưng hiện tại bị cáo đang bị tạm giam, gia đình kinh tế khó khăn, không có khả năng bồi thường thay cho bị cáo nên khi nào bị cáo chấp hành xong hình phạt tù sẽ đi làm và trả số tiền trên cho bà G, vì vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bà G số tiền trên.

[9]. Đối với Ngô Văn Đ2 đã cùng Tùng cướp giật tài sản của bà Gấm, sau khi phạm tội Đ2 đã bỏ trốn nên cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã, khi nào băt được sẽ xét xử theo quy định của pháp luật.

[10]. Đối với Nguyễn Xuân Đ1 là người được T đưa cho 1.000.000 đồng đi mua đồ ăn và cùng đi chơi cùng T và Đ2, nhưng Đ1 không biết T và Đ2 đã thực hiện hành vi phạm tội và không biết số tiền trên do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Đ1 là đúng quy định của pháp luật

[11].Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội "Cướp giật tài sản"

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự .

Xử phạt bị cáo Bùi Văn TùTng 04 năm tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Bùi Văn T phải chấp hành 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" và 03 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" của bản án số 93/2019/HSST ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân TP L, tỉnhNn. Bị cáo Bùi Văn T phải chấp hành chung cả hai bản án là 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/12/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Bùi Văn T phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị G số tiền 34.900.000 đồng.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; NQ 326/2016/UBTVQH 14 về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bùi Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.745.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặt mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- *VKSND huyện Thái Thụy*
- *Công an huyện Thái Thụy*
- *Chi cục THA huyện Thái Thụy*
- *TAND tỉnh Thái Bình*
- *VKSND tỉnh Thái Bình*
- *Bị cáo, bị hại.*
- *Lưu hồ sơ vụ án*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Tương